

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/DS-ST
Ngày: 06/03/2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Văn Bình

2/ Ông Nguyễn Hoa Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 716/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thanh V – sinh năm: 1956;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện CG, tỉnh TG.

*** Bị đơn:** Nguyễn Minh T - sinh năm: 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện CG, tỉnh TG.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh V trình bày:**

Nguyên ngày 10/10/2023 DL tôi có cho anh T (em ruột của tôi) mượn số tiền 150.000.000 đồng, khi mượn anh T có hứa với tôi thời gian trong vòng 4 tháng (tức từ ngày 10/10/2023 DL cho đến ngày 10/02/2024DL) sẽ trả cho tôi nhưng đến nay anh Thành cứ hứa hẹn mà không trả. Anh T có làm biên nhận cho tôi, biên nhận ngày 10/10/2023 DL là do chính tay anh T viết, ký tên và ghi họ tên.

Tôi không đồng ý với lời trình bày của ông T. Đối với số tiền vay ông T còn nợ tôi là 150.000.000 đồng chứ không phải 130.000.000 đồng. Tôi yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T cho rằng có trả cho tôi 20.000.000 đồng tiền vay thì ông Thành phải chứng minh, tôi không đồng ý với lời trình bày của ông T

Nay tôi yêu cầu anh T trả cho tôi số tiền 150.000.000 đồng, không tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Minh T trình bày:**

Tôi là em ruột của bà V. Tôi có mượn (thực ra mấy đứa cháu của tôi mượn còn tôi đứng ra nhận nợ) của bà V số tiền 150.000.000 đồng. Bà V đưa cho tôi 03 lần, thời gian không nhớ rõ: lần 01: 20.000.000 đồng, lần 02: 30.000.000 đồng, lần 03: 100.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2023 DL tôi có làm biên nhận cho bà V, biên nhận ngày 10/10/2023 DL là do chính tay tôi viết, tôi ký tên và ghi họ tên.

Trong quá trình hứa trả nợ tôi có trả cho bà V 02 lần: lần 01: ngày 30/5/2024 DL trả 10.000.000 đồng, lần 02: ngày 30/6/2024 DL trả 10.000.000 đồng. Do đó, tôi chỉ còn nợ bà V số tiền vốn là 130.000.000 đồng. Hiện nay số tiền 150.000.000 đồng tôi cho mấy đứa cháu mượn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, trong trường hợp mấy đứa cháu trả tôi bao nhiêu thì tôi sẽ gửi lại cho bà V bấy nhiêu.

Việc tôi trả cho bà V số tiền 20.000.000 đồng ngày 30/5/2024 và ngày 30/6/2024 thì bà V không có làm biên nhận, giấy tờ gì cho tôi. Nhưng tôi có ghi âm, tôi ghi âm lại nội dung nói chuyện giữa tôi và bà V, tôi sẽ dịch ra và cung cấp cho Toà án. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoà giải hôm nay tôi sẽ nộp cho Toà. Tôi trả cho bà V là tiền nợ mượn chứ không phải tiền hụi.

* Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T trả cho bà số tiền vốn 150.000.000 đồng, không tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên toà, bị đơn Nguyễn Minh T trình bày: tôi thừa nhận có vay của bà V số tiền 150.000.000 đồng nhưng tôi đã trả bớt cho bà V 11 lần với tổng số tiền 49.500.000 đồng, tôi chỉ còn nợ 100.500.000 đồng nhưng tôi không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là tôi đã trả bớt cho bà V, khi trả bà V không có làm biên nhận hay giấy tờ gì cho tôi. Tôi thừa nhận giấy mượn tiền ngày 10/10/2023 DL là do tôi viết, ký tên và ghi họ tên. Nay tôi đồng ý trả cho bà V 100.500.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng vì tôi không có khả năng trả một lần.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà V khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số tiền nợ vay, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T là bị đơn có nơi cư trú tại: ấp T, xã T1, huyện CG, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tiền vốn: Bà V khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà V có cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 10/10/2023 DL, theo giấy mượn tiền thì ông T có vay của bà V số tiền 150.000.000

đồng, hứa trong vòng 04 tháng sẽ trả (tức ngày 10/2/2024 DL sẽ trả đủ), ông T viết và có ký tên, ghi họ tên vào bên dưới giấy mượn tiền ngày 10/10/2023 DL. Còn ông T thừa nhận có vay của bà V số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên ông T trình bày đã trả bớt cho bà V 11 lần với tổng số tiền 49.500.000 đồng, ngày tháng, năm trả thì không nhớ, nay ông chỉ còn nợ bà V 100.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T vay của bà V số tiền 150.000.000 đồng là có thật, ông T trình bày ông có trả bớt cho bà V số tiền 49.500.000 đồng nhưng bà V không thừa nhận nên ông T phải có nghĩa vụ chứng minh, ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là mình đã trả cho bà V số tiền 49.500.000 đồng nên ông phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Bà V không yêu cầu ông T trả tiền lãi, chỉ yêu cầu ông T trả vốn nên Hội đồng xét xử không xem xét lãi.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Ông T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc ông T xin trả dần ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông T.

[2.4] Việc ông T yêu cầu được giám định đoạn ghi âm để chứng minh đã có trả bớt tiền cho bà V số tiền 20.000.000 đồng nhưng Tòa án đã ấn định thời gian cho ông để ông làm làm thủ tục nhưng ông không thực hiện và tại phiên tòa ông cũng không yêu cầu giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc ông T trả cho bà V số tiền vốn 150.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V

Buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh